

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:13/2020/DS-ST

Ngày:24-6-2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kỳ Vũ

2. Ông Phùng Văn Luân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang:
Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:48/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2013 bà có tham gia dây hụi 5.000.000đồng, hụi khui theo vụ lúa, một năm khui 03 lần do bà Phan Thị D làm chủ hụi, dây hụi gồm 16 phần, bà tham gia 01 phần, chưa hốt hụi, đóng được 08 lần với số tiền 40.000.000đồng thì tạm ngưng lý do bà đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh không có điều kiện đóng hụi tiếp. Thời điểm ngưng đóng hụi

bà có nói với bà D biết, bà D có nói khi nào mãn hạn sẽ trả lại tiền cho bà. Đến nay hạn đã mãn nhưng bà D không giao trả số tiền hạn cho bà. Nay bà yêu cầu bà Phan Thị D trả số tiền hạn 40.000.000đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng tính từ thời điểm mãn hạn là vụ 2 năm 2018 (tháng 5 năm 2018) cho đến nay.

Bị đơn bà Phan Thị D trình bày: Bà thừa nhận bà Nguyễn Thị H có tham gia hạn do bà làm chủ hạn, hạn 5.000.000đồng, khai vào vụ đông xuân năm 2013, hạn gồm 16 phần, bà H tham gia 01 phần. Bà H đóng hạn sống được 03 lần, đến lần thứ 04 thì bà H xin hốt hạn nhưng mẹ bà là bà Nguyễn Thị Bé T không cho bà H hốt hạn lý do bà H tham gia hạn nhiều người khác nhưng không đóng đầy đủ trong đó có hạn do mẹ bà làm chủ hạn. Từ kỳ khai hạn lần thứ 04 thì bà Bé T là người trực tiếp đóng hạn, mục đích giữ lại phần hạn này để cản trừ nợ với bà H. Dây hạn này đã mãn vào vụ 2 năm 2018 (tháng 5 năm 2018), bà Bé T là người hốt hạn, bà đã giao đủ tiền hạn cho bà Bé T. Đối với yêu cầu của bà H bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền bà H đã đóng 03 lần tương đương 15.000.000đồng (bao gồm cả lãi hạn), riêng yêu cầu của bà H về việc tính lãi bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Bà là mẹ của bà Phan Thị D, bà biết việc bà H tham gia dây hạn 5.000.000đồng nói trên nhưng vì bà H nợ tiền hạn của bà trong dây hạn khác nên bà không đồng ý cho bà H hốt hạn. Sau khi bà H ngưng đóng hạn dây hạn này bà là người tiếp tục đóng hạn, mục đích giữ lại dây hạn cản trừ nợ của bà H, bà đã hốt hạn phần hạn này. Đối với việc tranh chấp của bà H với bà D, bà thống nhất theo ý kiến của bà Phan Thị D, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà Phan Thị D trả số tiền hạn 40.000.000đồng và tiền lãi tính theo lãi suất quy định pháp luật từ thời điểm mãn hạn tháng 5 năm 2018 cho đến nay.

Bị đơn bà Phan Thị D chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền bà H đã đóng 03 lần tương đương 15.000.000đồng, riêng yêu cầu của bà H về việc tính lãi bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T thống nhất theo ý kiến của bà Phan Thị D, không có ý kiến gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Phan Thị D trả cho bà Nguyễn Thị H số

tiền hui 15.000.000đồng. Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị H, buộc bà Phan Thị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Phan Thị D trả số tiền hui nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự. Bị đơn bà Phan Thị D có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Phan Thị D trả số tiền hui 40.000.000đồng và lãi phát sinh từ thời điểm hui mãn tháng 5 năm 2018 đến nay theo mức lãi quy định của pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền hui 40.000.000đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận hợp đồng góp hui giữa hai bên tuy không có xác lập bằng văn bản chỉ có danh sách hui nhưng được các bên thừa nhận có thỏa thuận việc góp hui, hui 5.000.000đồng, khui vào vụ đông xuân năm 2013, gồm 16 phần, bà H tham gia 01 phần nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng góp hui giữa bà Nguyễn Thị H và bà Phan Thị D là có thật. Các bên thống nhất việc bà H chưa hốt hui, bà H cho rằng bà đã góp được 08 kỳ hui nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến này là có căn cứ. Bà D thừa nhận bà H chỉ góp được 03 kỳ hui với số tiền 15.000.000đồng (bao gồm tiền lãi hui) và đồng ý trả bà H số tiền này nên yêu cầu khởi kiện của bà H có căn cứ chấp nhận một phần, buộc bà D trả cho bà H số tiền hui đã góp của 03 kỳ bao gồm lãi hui là 15.000.000đồng (5.000.000đồng x 03 kỳ).

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ thời điểm mãn hui tháng 5 năm 2018 đến nay theo mức lãi quy định của pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, bà H cho rằng sau khi bà H ngưng đóng tiền hui, các bên có thỏa thuận khi nào hui mãn bà D sẽ trả tiền hui bà H đã góp và lãi hui, bà D không thừa nhận có thỏa thuận này, bà D chỉ thừa nhận nghĩa vụ trả số tiền hui 15.000.000đồng sau khi hui mãn nhưng vì bà H không đến nhận tiền nên bà D không giao tiền cho bà H được, tuy nhiên nghĩa vụ giao tiền hui là của chủ hui không phải nghĩa vụ của hui viên. Do vậy, đến khi hui mãn bà D không thực hiện việc giao trả tiền hui cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên yêu cầu của bà H về việc tính lãi phát sinh do bà D chậm thực hiện nghĩa vụ là có căn cứ. Theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự thì bên có nghĩa vụ trả tiền mà chậm trả thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Bà H và bà D không có thỏa thuận về lãi nên mức lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự là 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Các

bên thừa nhận thời điểm mãn hạn tháng 5 năm 2018 nên số tiền lãi chậm trả sẽ tính từ tháng 5 năm 2018 đến thời điểm xét xử tháng 6/2020 là 25 tháng, do vậy số tiền lãi là 3.112.500đồng (15.000.000đồng x 0,83% x 25 tháng).

Ngoài ra, bà D và bà Bé T đều thừa nhận sau khi bà H ngưng góp hạn, bà Bé T là người tiếp tục góp hạn đối với dây hạn này và bà Bé T đã hết hạn, nhận đủ tiền hạn, tuy nhiên, tất cả các đương sự không có tranh chấp đối với sự việc này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của bị đơn bà Phan Thị D cho rằng bà H không đến nhận tiền hạn, bà không giao được nên mới kéo dài thời gian trả tiền vì vậy bà không đồng ý trả số tiền lãi phát sinh do chậm trả, xét ý kiến này của bà D là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, tuy nhiên, bà H thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án; bà Phan Thị D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của bà H được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận một phần đối với đề nghị buộc bà Phan Thị D trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hạn 15.000.000đồng, đối với đề nghị không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả của bà Nguyễn Thị H không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, bà Phan Thị D, bà Nguyễn Thị Bé T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 471 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoa

Buộc bà Phan Thị D trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền hạn 15.000.000đồng và số tiền lãi 3.112.500đồng, tổng cộng là 18.112.500 (mười tám triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm) đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Phan Thị D còn phải chịu số tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.175.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 20370 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bà Phan Thị D phải chịu 905.625đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H, bà Phan Thị D, bà Nguyễn Thị Bé T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương